TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2018
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Liên.
2. Bà Trần Thanh Trúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/03/2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy A, sinh năm 1981 (có mặt).*
- *Bị đơn: Ông Vương Thế C, sinh năm 1982 (có đơn đề nghị vắng mặt).*

Cùng trú tại: 15.7 Lô A, chung cư PMT, tổ 9, ấp X, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2018 và bản tự khai ngày 24/4/2018, nguyên đơn là bà Nguyễn Thúy A trình bày:

Bà và ông Vương Thế C tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2004, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bà A vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2011 thì cả hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì ông C sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Bà A và ông C đã sống ly thân từ tháng 02/2016 đến nay mà vẫn không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Vương Thế C.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là trẻ là Vương Ngọc Phương U, sinh ngày 09/6/2006 và trẻ Vương Ngọc Phương L, sinh ngày 04/7/2011. Sau khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2018, bị đơn ông Vương Thế C trình bày:

Ông C xác nhận quá trình kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và có con chung như bà A trình bày là đúng. Ông C cũng đồng ý ly hôn vì ông cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ông đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là trẻ là Vương Ngọc Phương U, sinh ngày 09/6/2006 và trẻ Vương Ngọc Phương L, sinh ngày 04/7/2011. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao cả hai con cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C đề nghị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C xác định không có.

Sau khi trình bày ý kiến, ông C làm đơn đề nghị vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được nên mở phiên tòa xét xử hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thúy A yêu cầu ly hôn với ông Vương Thế C. Do ông C có địa chỉ cư trú tại 15.7, Lô A, chung cư PMT, Tổ 9, Ấp X, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Vương Thế C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn hôm nay.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà Nguyễn Thúy A xin ly hôn với ông Vương Thế C với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2011, cả hai sống ly thân từ tháng 02/2016 đến nay mà vẫn không hàn gắn được.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông C cũng đã có bản tự khai xác nhận mâu thuẫn vợ chồng như bà A trình bày là đúng và đồng ý ly hôn. Việc ông C xin vắng mặt trong phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay cho thấy ông C không có thiện chí xây dựng, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà A, do đó có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của hai người là hoàn toàn có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thúy A đối với ông Vương Thế C.

[3.2] Về con chung: Bà A yêu cầu nuôi con, ông C cũng đồng ý giao con chung cho bà C trược tiếp nuôi dưỡng. Xét trẻ Vương Ngọc Phương U và trẻ Vương Ngọc Phương L hiện đang còn nhỏ, lại đang trực tiếp do bà A chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian ông C và bà A sống ly thân, nên việc giao con cho bà A tiếp tục nuôi là phù hợp. Ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông C cùng xác định không có.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thúy A có nghĩa vụ phải nộp, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0008710 ngày 22/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà An đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thúy A được ly hôn với ông Vương Thế C.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thúy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là Vương Ngọc Phương U, sinh ngày 09/6/2006 và trẻ Vương Ngọc Phương L, sinh ngày 04/7/2011. Ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2/- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thúy A có nghĩa vụ nộp, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0008710 ngày 22/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà A đã nộp đủ án phí.

3/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/- Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TANDTP,VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

LÊ THU HIỀN